

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/6/2024

V/v tranh chấp: **Xin ly hôn**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử **theo thủ tục rút gọn** sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024. Về tranh chấp “**Xin ly hôn**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: 185, ấp 1, xã P L, huyện T B, tỉnh Đồng Tháp. Số điện thoại: 0354 451 834. Có đơn đề ngày 29/5/2024 xin giải quyết vắng mặt (BL 26).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: 19, tổ 33, Khu vực 5, phường H P, quận C R, thành phố Cần Thơ. Số điện thoại: 0337 002 094. Có đơn đề ngày 29/5/2024 xin giải quyết vắng mặt (BL 25).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày:

1/ Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện tìm hiểu và chính thức kết hôn. Có đăng ký kết hôn sau đó tại UBND phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo giấy đăng ký kết hôn số 39 ngày 03/4/2023. Chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Cả hai đã ly thân. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N thừa nhận vợ chồng có kết hôn và chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì thường xuyên bất đồng quan điểm. Cả hai đã ly thân với nhau. Bản thân bà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

2/ Về con chung: hai bên đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh B (nam) sinh ngày 27/4/2023. Nguyên đơn tự nguyện giao con cho bà Tuyết N trực tiếp nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh B 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi.

Bà Tuyết N công nhận vợ chồng có 01 con chung như ông T khai. Bà đồng ý tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Minh Bảo và đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của ông T.

3/ Về tài sản chung: cả hai thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Nợ chung: cả hai thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Tuyết N xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc, đã có con chung với nhau. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng cả hai lại không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng.

[3] Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã hòa giải động viên hàn gắn, nhưng hai vợ chồng Toàn – Ngân cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Cả hai xác định đã ly thân với nhau và thống nhất thuận tình ly hôn. Điều này cũng chứng minh đời sống chung thực tế của hai vợ chồng ông T và bà N đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai vợ chồng. Nên việc ông Nguyễn Thanh T xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Về con chung: cả hai đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Minh B (nam) sinh ngày 27/4/2023. Cả hai đã thống nhất giao cháu Nguyễn Minh B cho bà Tuyết N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; cũng phù hợp với qui định của pháp luật con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên ông T vẫn được quyền tới lui thăm con theo qui định của pháp luật.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: cả hai đã thống nhất ông Nguyễn Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh B 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi.

Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: cả hai thống nhất xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

[7] Về án phí: nguyên đơn Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo qui định và chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 28, 35, 147, **228**, 235, , 267, 271, 273, **317, 320, 321** Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho ông **Nguyễn Thanh T** được ly hôn với bà **Nguyễn Thị Tuyết N**.

2/- Về con chung:

- Giao cháu **Nguyễn Minh B** (nam) sinh ngày 27/4/2023 cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Ghi nhận ông Nguyễn Thanh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh B 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng mỗi tháng) cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Phí cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo mức lương cơ bản nếu có thay đổi.

- Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Thanh T theo qui định của pháp luật.

3/- Về tài sản chung: Không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4/- Về nợ chung: Không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5/- Về án phí: ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số 0003484 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. Cái Răng. Ông T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí về cấp dưỡng: ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự không giá ngạch 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Trong hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 10 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Thái Mỹ Nhung